

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2015

Mã số: 117-11-KHKT-QL

I. TỔNG QUAN CHUNG

Từ năm 2000, Đảng và Nhà nước ta đã xác định chiến lược phát triển CNpCNTT như là những nội dung quan trọng để thực thi chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong thời gian qua, nhất là từ sau khi Luật CNTT, Nghị định 71 và các Quyết định của Chính phủ về phát triển CN CNTT được ban hành, CNPM và CN NDS đã có những bước phát triển khá ấn tượng. Trong thời gian qua các chương trình, kế hoạch lớn phát triển CNTT của Chính phủ được tích cực triển khai đã thúc đẩy sự phát triển và phát huy hiệu quả to lớn của lĩnh vực công nghệ cao này, tốc độ tăng trưởng CNpCNTT luôn ở mức cao và ổn định, tuy là ngành non trẻ nhưng doanh thu CNpCNTT đem lại khá lớn. Năm 2010, CNpCNTT vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao đạt mức tăng trưởng khoảng 23,71%, doanh thu khoảng 7,629 tỷ USD. Trong đó, doanh thu CNpPC đạt 5,631 tỷ USD, tăng trưởng 21.69%, doanh thu CNpPM đạt 1.064 triệu USD, tăng trưởng 25,17%; doanh thu CNpNDS đạt 934 triệu USD, tăng trưởng 39,71%.

Tuy nhiên nhìn về tổng thể, ngành CNpCNTT vẫn chưa phát triển đúng với tiềm năng, vai trò điều phối và định hướng của Nhà nước vẫn chưa được thể hiện rõ nét, và cùng với thời gian, ngành CNpCNTT này tại Việt nam cũng đang bộc lộ một số khó khăn, bất cập. Đề tài ***“Nghiên cứu nâng cao hiệu quả đầu tư công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015”*** trong đó nghiên cứu thực trạng ngành CNpCNTT Việt Nam, những hạn chế cơ chính sách trong đầu tư phát triển ngành hiện nay, đề xuất biện pháp tháo gỡ, phát huy mọi nguồn lực trong nước đầu tư trọng điểm đúng ngành đúng thế mạnh của Việt Nam và phù hợp với

xu thế CNTT-TT quốc tế có ý nghĩa cấp thiết. Mục tiêu đặt ra cho đề tài này là xây dựng các giải pháp đảm bảo tính kế thừa, giúp định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư CNpCNTT, duy trì đà tăng trưởng ngành CNpCNTT, phát huy các kết quả đã đạt được trong giai đoạn trước, nhanh chóng triển khai các giải pháp tháo gỡ những vướng mắc còn tồn tại, đồng thời, phù hợp với tình hình mới giúp CNpCNTT Việt Nam nắm bắt thời cơ, huy động tối đa sức mạnh của toàn xã hội tạo động lực, sức bật cho CNTT, góp phần hiện thực hóa các chủ trương, mục tiêu Chính phủ đã đặt ra, sớm đưa dịch vụ và CNpCNTT thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho Quốc gia.

Do vấn đề đầu tư phát triển ngành CNpCNTT là một vấn đề rộng và phức tạp, điều kiện về số liệu chưa được cung cấp một cách đầy đủ. Mặt khác, do trình độ và thời gian hạn chế nên đối tượng phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ bao gồm:

- *Đối tượng nghiên cứu*: Là các doanh nghiệp hoạt động trong ngành CNpCNTT Việt Nam bao gồm các lĩnh vực Công nghiệp phần mềm, Công nghiệp phần cứng – điện tử, Công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT.

- *Phạm vi nghiên cứu của đề tài bao gồm*: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực CNp CNTT thuộc mọi thành phần kinh tế ở Việt Nam. Tuy nhiên, do hạn chế về nhiều mặt về thời gian, kinh phí... Nhóm nghiên cứu chỉ thực hiện, khảo sát và lấy mẫu phân tích, đánh giá hiệu quả đầu một số DN hàng đầu trong từng lĩnh vực để có cái nhìn tổng quát cho toàn ngành. Bên cạnh đó có một số đánh giá sơ bộ các Chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp CNTT của nhà nước, để tìm giải pháp nâng cao hiệu quả của các Chương trình này

II. TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỀ TÀI

CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Nội dung đạt được đưa ra khái niệm về hiệu quả đầu tư; hiệu quả tài chính của hoạt động đầu tư, hiệu quả đầu tư trong Doanh nghiệp; một số tiêu chí cơ bản để đánh giá hiệu quả đầu tư như:

ROA là tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (Return on total assets); ROE là tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (Return on common equity); Chỉ số ICOR (Incremental capital – output ratio) nhằm Năng suất lao động tăng thêm do hoạt động ĐT của DN nhằm phản ánh hiệu quả gián tiếp của hoạt động ĐT của DN. Có thể sử dụng chỉ tiêu hiệu quả tuyệt đối (tính bằng cách so sánh năng suất lao động bình quân sau và trước khi doanh nghiệp thực hiện ĐT) và chỉ tiêu hiệu quả tương đối (tính bằng cách so sánh mức chênh lệch về năng suất lao động sau và trước khi đầu tư với tổng quy mô vốn đầu tư) để phản ánh nhóm chỉ tiêu hiệu quả này.

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM

Tổng quan phát triển ngành CNp CNTT: Số liệu kinh doanh, xuất nhập khẩu CNTT; Công nghiệp phần cứng – điện tử; Công nghiệp phần mềm; Nội dung số và dịch vụ CNTT. Đề cập các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển CNp CNTT; Thị trường CNp CNTT, doanh nghiệp, nhân lực, vốn đầu tư và công nghệ.

CHƯƠNG III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Nội dung trong Chương này sẽ tập trung phân tích một số vấn đề liên quan đến con đường lựa chọn và bước đi trong phát triển CNpCNTT một số quốc gia thành công trên thế giới, trong đó việc xác định phương hướng đầu tư và nâng cao hiệu quả thể hiện vai trò rất quan trọng của nhà nước (trong ban hành các cơ chế chính sách quản lý, phát triển doanh nghiệp và thị trường) và của doanh nghiệp (trong hoạch định và thực thi các kế hoạch đầu tư và kinh doanh, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực) trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư lĩnh vực CNpCNTT. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước Ấn Độ, Đài Loan, Singapore rút ra những bài học kinh nghiệm cụ thể việc nhận thức được rằng vai trò của chính phủ luôn là kích

cầu - tạo thị trường trong nước, đầu tư vào con người, thu hút trí thức hải ngoại và tạo một môi trường đầu tư có lợi nhất cho nhà đầu tư nước ngoài so với các nước khác trong vùng. Sau đó, các doanh nghiệp "cluster" sẽ tự hình thành, chưa nên nghĩ đến việc đầu tư thành lập các "cluster" khi chưa có thị trường. Để xây dựng các công ty phần mềm có trình độ chuyên môn hoá cao, không chỉ nhờ vào đào tạo kỹ sư phần mềm ở các trường đại học, mà còn phải nhờ vào nghiên cứu phát triển và kinh nghiệm kinh doanh thực tiễn. Muốn vậy Chính phủ phải kích cầu thị trường phần mềm trong nước thông qua chi tiêu về phần mềm, đồng thời tăng cường bảo vệ bản quyền phần mềm. Sau đó, Chính phủ phải dựa được vào cộng đồng ngoại kiều của nước mình ở nước ngoài để tìm mối quan hệ và tìm thêm việc cho các công ty phần mềm trong nước.

CHƯƠNG IV. RÀ SOÁT CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, chính sách đầu tư phát triển ngành CNTT Việt Nam, phân tích, đánh giá vướng mắc môi trường pháp lý, công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT, Công nghiệp phần mềm, Công nghiệp phần cứng – điện tử và đưa ra những nghiên cứu cụ thể:

Hệ thống chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển cho CNTT&TT chưa đồng bộ, chưa thu hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư theo chiều sâu; thực tế chưa có chính sách đầu tư nghiên cứu và triển khai công nghệ; thiếu chính sách khuyến khích các công ty nước ngoài, đặc biệt là các công ty đa quốc gia về CNTT&TT đầu tư vào sản xuất tại Việt Nam.

Vai trò của nhà nước, của các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành CNpCNTT. Chính phủ và doanh nghiệp cần phối hợp với nhau như thế nào để phát triển thị trường. Những vấn đề về nhà nước cần hỗ trợ hạ tầng viễn thông, khu công nghiệp, đào tạo, nghiên cứu – phát triển.

Cho đến nay, các mục tiêu phát triển CN CNTT của Việt nam vẫn đang được xây dựng trên nền tảng cơ sở vật chất (doanh số sản xuất, xuất khẩu, xây dựng các khu công nghiệp tập trung, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, số lượng doanh nghiệp, số cơ sở đào tạo, số lao động....) mà chưa tính đến yếu tố con người và vị thế cạnh tranh toàn cầu của Việt nam (như chi phí nhân công, tăng năng xuất lao động, chất lượng, khả năng làm chủ công nghệ nguồn, cơ hội phát triển thị trường nội địa, quảng cáo và marketing ...). Bên cạnh đó, các giải pháp thực thi chính sách chưa nhắm đến việc tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp, do đó chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, được doanh nghiệp quan tâm. Điều này chủ yếu là do không có các nghiên cứu, phân tích căn cứ kinh nghiệm các nước, thiếu tầm nhìn về sự cạnh tranh toàn cầu.

Thực trạng CNpCNTT&TT Việt Nam còn nhỏ bé, chậm nhịp, trình độ công nghệ thấp, chưa thu hút được đầu tư, chưa thực hiện được chuyển giao công nghệ hiện đại. Công nghiệp phần cứng chủ yếu ở trình độ lắp ráp, hàm lượng trí tuệ và giá trị gia tăng thấp. Công nghiệp phần mềm mới đạt trình độ cung cấp các giải pháp phần mềm quy mô nhỏ, tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa có giải pháp mạnh với những điều kiện ưu đãi đặc biệt nhằm tạo môi trường hấp dẫn, thu hút các công ty đa quốc gia đầu tư cho phát triển CNpCNTT&TT. Đối với một số lĩnh vực cụ thể CNpCNTT.

Nội dung Chương còn rà soát các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực CNp CNTT Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn kinh tế Châu á - Thái Bình Dương (APEC). Việc gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới chắc chắn sẽ đem lại cho CNpCNTT thêm cơ hội thu hút vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến, cạnh tranh sẽ là một thách thức khốc liệt đối với CNpCNTT còn non trẻ.

CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM

Đánh giá hiệu quả đầu tư của lĩnh vực CNp phần cứng - điện tử , cụ thể: Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản ROA, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ROE, chỉ số ICOR.

Đối với lĩnh vực công nghiệp phần cứng – điện tử thì các cơ chế chính sách của nhà nước ảnh hưởng tới sự sống còn của ngành. Ví dụ chính sách xuất nhập khẩu sản phẩm điện tử, theo quy định của biểu thuế ACFTA 2009, các sản phẩm thành phẩm CNTT nhập khẩu từ các nước Asean và Trung Quốc với ít nhất 40% hàm lượng của sản phẩm có xuất xứ từ bất kỳ bên nào thuộc ACFTA sẽ được áp dụng thuế nhập khẩu 0%. Thực tế, hầu hết các tập đoàn sản xuất máy tính, điện thoại di động và linh kiện lớn trên thế giới đều có nhà máy đặt tại Trung quốc hoặc tại các nước nêu trên. Do vậy, quy định này gần như mở cửa cho hầu hết các thương hiệu máy tính, điện thoại di động lớn trên khắp thế giới được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi vào phân phối sản phẩm tại Việt Nam là 0%.

Trong khi đó, thuế suất nhập khẩu một số loại linh kiện, cụm linh kiện máy tính, điện thoại di động vào Việt Nam phục vụ cho sản xuất vẫn áp dụng mức thuế suất 3 - 8 %. Điều này gây bất lợi cho các doanh nghiệp sản xuất máy tính, điện thoại di động trong nước, do sản phẩm làm ra có thể có giá không cạnh tranh được với sản phẩm nhập khẩu.

Đối với lĩnh vực phần mềm: Với sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực của các doanh nghiệp, ngành CNPM Việt Nam mấy năm qua đã có nhiều khởi sắc. Hiện nay chúng ta đã có một số công ty điển hình thành công có thể sánh với các doanh nghiệp của Ấn độ, Trung quốc như FPT, CMC, Gameloft, CSC ..., điều này khẳng định khả năng phát triển CNPM của Việt Nam là hoàn toàn khả thi. Các doanh nghiệp phần mềm Việt Nam đã bắt đầu thâm nhập được thị trường quốc tế, mặc dù quy mô vẫn còn hạn chế.

Tuy nhiên sự phát triển của ngành công nghiệp này vẫn chưa được như mong muốn, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, khả năng thâm nhập thị trường quốc tế CNPM Việt Nam vẫn còn rất yếu. Những hạn chế trên là do nhiều nguyên nhân, cả chủ quan lẫn khách quan,

Đối với đầu tư lĩnh vực công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT: Đánh giá hiệu quả đầu tư của lĩnh vực CNp NDS và dịch vụ CNTT; một số nhận xét về hiệu quả đầu tư của lĩnh vực công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT; phân tích đánh giá tình hình triển khai Chương trình phát triển CNPM và NDS năm 2011 được phê duyệt theo Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007, cụ thể:

Tình hình hoạt động chung của Ban Điều hành Chương trình, tình hình triển khai cụ thể Chương trình trong năm 2011, về vai trò của ứng dụng CNTT&TT trong đổi mới quản lý và sản xuất. CNpCNTT được xem là ngành kinh tế mũi nhọn để thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, xây dựng xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đề án tăng tốc sớm đưa Việt Nam trở thành nước mạnh về viễn thông và công nghệ thông tin, Bộ Thông tin - Truyền thông đặt ra chỉ tiêu đến giai đoạn 2015-2020, Việt Nam trở thành một trong 70 nước phát triển IT (và viễn thông)... hàng đầu thế giới, sẽ hình thành một số doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin có quy mô quốc tế, đạt doanh thu trên 15 tỷ USD... Cụ thể, năm 2020, mọi người dân "phải được" tiếp cận máy tính như máy điện thoại hiện nay, làm quen với sự hội tụ công nghệ viễn thông, internet và truyền hình trên màn máy tính và máy thu hình, thông tin có mọi lúc, mọi nơi, công nghệ băng rộng 100%..; về giá trị, doanh số đóng góp GDP của công nghiệp IT phấn đấu đạt khoảng 20-25% GDP (ngang với các nước có nền công nghiệp IT phát triển trong khu vực và trên thế giới).

Trong khi đó, trình độ CNpCNTT Việt Nam đang thuộc loại trung bình yếu. Trong số 154 nước được liên minh viễn thông quốc tế đánh giá, Việt Nam xếp hạng 92. Tuy tăng trưởng nhưng CNpCNTT Việt Nam vẫn tụt sau một khoảng cách rất xa so với những nước có nền CNpCNTT phát triển. Đáng chú ý, chiếm vị trí chủ đạo trong CNpCNTT lại là các doanh nghiệp nước ngoài, chưa có doanh nghiệp trong nước, đồng thời tổng doanh số trong ngành công nghiệp này của doanh nghiệp nội địa cũng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Hầu hết có quy mô nhỏ, manh mún, năng suất thấp. Cụ thể, công nghiệp điện tử và phần cứng máy tính đang chiếm tỷ trọng lớn nhưng lại có giá trị gia tăng rất thấp, chủ yếu là lắp ráp. Sự phát triển của

công nghiệp phần mềm chủ yếu là... tự phát, mới chỉ tập trung vào các dịch vụ giải trí.

CHƯƠNG VI. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NHẪM THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp CNTT. Trên cơ sở phân tích đánh giá ở trên, cho thấy, đứng trên góc độ quản lý nước đề nâng cao hiệu quả đầu tư cho ngành công nghiệp CNTT hiện nay, nhóm chủ trì đề tài đề xuất 2 hướng giải pháp: 1. Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và hiệu quả hoạt động của nghiệp; 2. Nâng cao hiệu quả đầu tư của các Chương trình phát triển công nghiệp CNTT của nhà nước. Theo định hướng này, nhóm chủ trì xin đề xuất một số giải pháp như sau: Nhà nước định hướng phát triển đầu tư; Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực cho CNpCNTT;

Tăng cường các nguồn vốn đầu tư cho CNpCNTT; Phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước và nước ngoài; Giải pháp cụ thể thể đối với từng lĩnh vực CNTT

- Đề xuất việc nâng cao hiệu quả đầu tư của các Chương trình phát triển công nghiệp CNTT của nhà nước, cụ thể: Bố trí đủ vốn để triển khai hiệu quả các Chương trình; Hoàn thiện định mức kinh tế thuật chuyên ngành; Bổ sung các quy định về quản lý đầu tư trong lĩnh vực CNTT

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA ĐỀ TÀI

Phát triển công nghệ thông tin (phát triển CNTT) bao gồm phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT, là một ngành kinh tế kỹ thuật mũi nhọn có giá trị gia tăng cao, vừa có tác dụng xây dựng hạ tầng, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Nghiên cứu đề tài có ý nghĩa đánh giá và định hướng đi trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư CNpCNTT theo hướng phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam hiện nay. Nhằm hướng tới việc tập trung nguồn lực trong nước, kết hợp với thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài một cách có chọn lọc theo hướng có giá trị gia tăng cao để phát triển công nghiệp phần cứng, điện tử và công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên thu hút đầu tư cho nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ. Xác định quan điểm Doanh nghiệp đóng vai trò chủ lực trong phát triển CNpCNTT; Nhà nước tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ thông qua các cơ chế, chính sách ưu đãi và một số dự án trọng điểm được coi là hướng đi chủ yếu trong phát triển CNpCNTT giai đoạn tới. Đầu tư cho phát triển nguồn lực cho ngành CNpCNTT được coi là hướng đi hiệu quả. Đây là một hướng đi rất thành công của các quốc gia Châu Á trong phát triển ngành CN CNTT mà Việt nam chưa có điều kiện học tập và áp dụng có kết quả. Chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực ở trình độ cao, nếu thành công, có thể giúp Việt nam rút ngắn khoảng cách với nền CNTT thế giới giúp đẩy mạnh phát triển CNTT góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nhanh chóng đưa Việt Nam tiếp cận với xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức.

Trong phạm vi của đề tài nghiên cứu, nhóm chủ trì đề tài đã cố gắng xây dựng ra những vấn đề cần giải quyết và có những đề xuất nhằm đưa lĩnh vực định hướng đầu tư lĩnh vực CNpCNTT phù hợp với điều kiện Việt Nam trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, để đi vào thực tiễn thì các định hướng, giải pháp cần được ban hành vào các chính sách và cần được sớm phê duyệt vì bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, công nghệ đã đặt ra rất bức xúc, trong khi sức mạnh cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế. Do đó, chúng ta phải tiếp tục phát triển, thực hiện vấn đề này một cách nhanh chóng và có hiệu quả.